



mài jìn

迈进

verb · to step in

Example Sentences

wǒ men yào xiàng xīn shí dài mài jìn

我们要向新时代迈进。

We must stride forward into the new era.

wǒ men yào yǒng gǎn dì xiàng qián mài jìn

我们要勇敢地向前进进。

We must bravely move forward

tā shì tú yā zhì nèi xīn de kǒng jù jì xù xiàng qián mài jìn

他试图压制内心的恐惧，继续向前迈进。

He tried to suppress the fear within and continued to move forward.

Trace each character, then write the word on your own.

迈	迈	迈	迈	迈	迈	迈	迈	迈		
进	进	进	进	进	进	进	进	进	进	